

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 31- 7 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Cư
- Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Phương Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2024/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: A T, Quận H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B- chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Bùi Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C- chi nhánh B1; Địa chỉ: A N, Phường C, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; theo Văn bản uỷ quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện tham gia tố tụng: Bà Lục Thảo Phương H1 – Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C- chi nhánh B1; theo Giấy uỷ quyền số 1097/UQ-BRVT-TH ngày 02/7/2024 của Giám đốc Ngân hàng TMCP C- chi nhánh B1;

Bị đơn:

- Ông Phạm M, sinh năm 1968
- Bà Võ Thị G, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện của nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/7/2023, tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C là bà Lục Thảo Phương H1 trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần C với ông Phạm M, bà Võ Thị G đã ký 3 hợp đồng vay vốn:

Khoản vay thứ nhất: Hợp đồng tín dụng số 16.104.045/2016-HĐTDHM/NHCT 880 ngày 01/6/2016, ngân hàng cho vợ chồng ông Phạm M, bà Võ Thị G vay: 3.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 1 năm kể từ ngày 01/6/2016, thời hạn cho vay không quá 6 tháng kể từ ngày nhận nợ, theo 8 giấy nhận nợ, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 6,8%/năm, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, mục đích vay: bổ sung chi phí đánh bắt thuỷ hải sản xa bờ.

Khoản vay thứ hai: Hợp đồng tín dụng số 16.104.046/2016-HĐTDHM/NHCT 880 ngày 01/6/2016, ngân hàng cho vợ chồng ông Phạm M, bà Võ Thị G vay: 600.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, mục đích vay: chi phí sửa chữa tàu cá.

Khoản vay thứ ba: Hợp đồng tín dụng số 17.121.02/2017-HĐTD/NHCT 880 ngày 24/01/2017, ngân hàng cho vợ chồng ông M, bà G vay 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay: 60 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là: 10,5%/năm; mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu đánh cá.

Quá trình thực hiện 3 hợp đồng trên, ông M, bà G chỉ mới trả khoản vay thứ nhất 3.000.000.000 đồng tiền gốc, 106.070.156 đồng tiền lãi; khoản vay thứ hai đã trả 400.881.389 đồng tiền gốc và 18.276.463 đồng tiền lãi; khoản vay thứ ba đã trả 700.000.000 đồng tiền gốc và 29.130.552 đồng tiền lãi.

Đến nay dư nợ khoản vay thứ nhất: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 377.964.656 đồng. Dư nợ khoản vay thứ hai: nợ gốc là 109.118.611 đồng, nợ lãi là 156.970.221 đồng. Dư nợ gốc khoản vay thứ ba: nợ gốc là 0 đồng, nợ lãi là 105.367.104 đồng. Tổng cộng 3 khoản vay còn nợ 749.420.592 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 109.118.611 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/7/2024: 640.301.981 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: hai chiếc tàu cá BV-98506-TS, BV-5707-TS của vợ chồng ông Phạm M, bà Võ Thị G, hiện tại hai chiếc đã bị cháy, hư hỏng 1 phần. Ngoài ra trước đây giữa ngân hàng và vợ chồng bà G có hợp đồng thế chấp đối với nhà và đất của vợ chồng bà G tại tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nhà và đất này vợ chồng bà G với ngân hàng đã thỏa thuận xử lý bán tài sản trả một phần nợ cho ngân hàng.

Do ông M, bà G vi phạm cam kết trong các hợp đồng tín dụng nên ngân hàng yêu cầu ông M, bà G phải trả ngay tiền gốc và tiền lãi của ba khoản vay trên là 749.420.592 đồng. Ngoài ra ông M, bà G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi ông M, bà G thanh toán xong nợ theo lãi suất thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông M, bà G không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản là hai chiếc tàu cá BV-98506-TS, BV-5707-TS của vợ chồng ông M, bà G để thu hồi nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị G trình bày:

Bà thống nhất với số nợ mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã trình bày là hơn 737.000.000 đồng, trong đó nợ gốc là hơn 109.000.000 đồng, nợ lãi hơn 627.000.000 đồng, bản thân bà trước đây đã bán nhà đất ở Bà Rịa V để trả một phần nợ, hiện tại bà không có khả năng trả nợ nên đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp là hai chiếc tàu cá BV-98506-TS, BV-5707-TS, cuối năm 2021 hai chiếc tàu cá đã bị cháy, hiện hai chiếc tàu đang neo đậu tại cảng T, thành phố Q.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm M đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 298, 299, 306, 317, 318, 321, 322, 323, 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Phạm M, bà Võ Thị G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 749.420.592 đồng và khoản tiền lãi phát sinh, trường hợp ông M, bà G không trả được nợ, ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản là hai chiếc tàu cá BV-98506-TS, BV-5707-TS của vợ chồng ông M, bà G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Phạm M, bà Võ Thị G ở tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm M, bà Võ Thị G đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà G.

[3] Về nội dung:

Theo ba hợp đồng mà Ngân hàng Thương mại Cổ phần C với ông Phạm M, bà Võ Thị G đã ký kết, hợp đồng tín dụng số 16.104.045/2016-HĐTDHM/NHCT 880 ngày 01/6/2016, số tiền vay 3.000.000.000 đồng, hợp đồng số 16.104.046/2016-HĐTDHM/NHCT 880 ngày 01/6/2016, số tiền vay 600.000.000 đồng, hợp đồng 17.121.02/2017-HĐTD/NHCT 880 ngày 24/01/2017, số tiền vay 700.000.000 đồng, tổng cộng Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã cho ông Phạm M, bà Võ Thị G vay 4.300.000.000 đồng, mục đích ông M, bà G vay để chi phí đánh bắt thủy hải sản xa bờ, sửa chữa tàu cá, mua tàu cá. Các hợp đồng vay trung hạn và ngắn hạn. Quá trình thực hiện 3 hợp đồng trên, ông M, bà G chỉ mới trả khoản vay thứ nhất 3.000.000.000 đồng tiền gốc, 106.070.156 đồng tiền lãi; khoản vay thứ hai đã trả 400.881.389 đồng tiền gốc và 18.276.463 đồng tiền lãi; khoản vay thứ ba đã trả 700.000.000 đồng tiền gốc và 29.130.552 đồng tiền lãi.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa các bên đảm bảo về nội dung và hình thức theo quy định của pháp luật nhưng ông M, bà G đã không thực đúng theo thỏa thuận mà hai bên đã cam kết, không trả gốc và lãi trong nhiều kỳ. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông M, bà G vẫn không thực hiện. Hiện tại ông M, bà G còn nợ ngân hàng 749.420.592 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 109.118.611 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/7/2024: 640.301.981 đồng. Bị đơn bà Võ Thị G thống nhất còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần C số tiền trên, vợ chồng bà không còn khả năng trả nợ nên bà đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Bị đơn ông Phạm M là người cùng với bà Võ Thị G trực tiếp ký các hợp đồng tín dụng, đã được Tòa án thông báo về việc khởi kiện nhưng ông không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của ngân hàng.

Do bên vay vi phạm cam kết mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M, bà G phải trả 749.420.592 đồng và tiền lãi phát sinh là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng thế chấp động sản số 15.104.0039 ngày 18/5/2015 và số 17.121.02 ngày 19/01/2017, thể hiện giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C và bị đơn ông Phạm M, bà Võ Thị G có ký hợp đồng thế chấp, theo hợp đồng ông M, bà G đã thế chấp hai chiếc tàu cá BV-98506-TS, BV-5707-TS, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm tại Đà Nẵng, do vậy hợp đồng thế chấp là hoàn toàn hợp pháp. Qua xem xét thẩm định tại chỗ, hai chiếc tàu cá đang neo đậu tại C, Quảng Ngãi, hiện trạng thực tế hai chiếc tàu đã bị cháy phần vỏ tàu, phần máy móc, thiết bị không còn. Hai chiếc tàu cá là tài sản của vợ chồng ông M, bà G. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản là hai chiếc tàu cá theo hiện trạng thực tế hiện nay của hai chiếc tàu cá trong trường hợp ông M, bà G không trả được nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 318, 320, 323 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, ông Phạm M, bà Võ Thị G không được chấp nhận yêu cầu nên phải chịu chi phí này, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã nộp tạm ứng nên ông M, bà G phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền này.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Phạm M, bà Võ Thị G phải chịu 33.977.000 đồng án phí dân sự.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 298, 299, 306, 317, 318, 321, 322 và 323 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C, buộc bị đơn ông Phạm M, bà Võ Thị G phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 749.420.592 đồng (*bảy trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm*

trăm chín mươi hai đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 109.118.611 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 31/7/2024: 640.301.981 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2024 ông Phạm M, bà Võ Thị G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông Phạm M, bà Võ Thị G không thanh toán được nợ, ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là hai chiếc tàu cá BV-98506-TS, BV-5707-TS, hai chiếc tàu đã bị cháy hư hỏng một phần.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm M, bà Võ Thị G phải tiếp tục trả cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, ông Phạm M, bà Võ Thị G phải chịu chi phí này, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C đã nộp tạm ứng nên ông Phạm M, bà Võ Thị G phải hoàn trả cho ngân hàng 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

3. Về án phí: Ông Phạm M, bà Võ Thị G phải chịu 33.977.000 đồng (*ba mươi ba triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần C 13.300.000 đồng (*mười ba triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003984 ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm M, bà Võ Thị G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- THADS thành phố Vũng Tàu;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Hồng Mỹ

